

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2019 - 2020**

MẪU 2

(Ban hành kèm Theo quyết định: /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2020)

Đơn vị: Khoa Luật

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
1	2017-LA	1754070014	Trần Minh	Chiến	160699	2017	ĐHCQ	3.7	100	Xuất sắc	8,100,000	100%	8,100,000
2	2017-LA	1754070021	Nguyễn Khánh	Dương	090699	2017	ĐHCQ	3.63	100	Xuất sắc	8,100,000	100%	8,100,000
3	2017-LA	1754070029	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	130599	2017	ĐHCQ	3.63	90	Xuất sắc	8,100,000	100%	8,100,000
4	2017-LA	1754070073	Phạm Thị Trà	My	050899	2017	ĐHCQ	3.60	90	Xuất sắc	8,100,000	100%	8,100,000
5	2017-LA	1754070156	Chiêu Đoàn	Tuấn	031199	2017	ĐHCQ	3.80	85	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
6	2017-LA	1754070023	Lê	Đại	021199	2017	ĐHCQ	3.50	100	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
7	2017-LA	1754070017	Nguyễn Bá	Du	040294	2017	ĐHCQ	3.30	82	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
8	2017-LA	1754070146	Nguyễn Thị Huyền	Trang	161199	2017	ĐHCQ	3.27	98	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
9	2017-LA	1754070120	Nguyễn Thị Bích	Thảo	300499	2017	ĐHCQ	3.27	90	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
10	2017-LA	1754070121	Trương Lê Thu	Thảo	210899	2017	ĐHCQ	3.27	90	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
11	2017-LA	1754070033	Giang Thị Hòa	Hải	160898	2017	ĐHCQ	3.27	80	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
12	2017-LA	1754070080	Phạm Thị Thúy	Ngân	100999	2017	ĐHCQ	3.27	90	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
13	2017-LA	1754070146	Nguyễn Thị Huyền	Trang	161199	2017	ĐHCQ	3.27	98	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
14	2017-LA	1754070147	Võ Thị Thùy	Trang	041099	2017	ĐHCQ	3.20	100	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
15	2017-LA	1754070168	Nguyễn	Vũ	271099	2017	ĐHCQ	3.17	82	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
16	2017-LK	1754060104	Lê Ngọc Thùy	Linh	040799	2017	ĐHCQ	3.37	100	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
17	2017-LK	1754060007	Trần Thị Hoàng	Anh	070199	2017	ĐHCQ	3.33	88	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
18	2017-LK	1754060131	Châu Mỹ	Ngọc	190199	2017	ĐHCQ	3.30	93	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000
19	2017-LK	1754060021	Lê Võ Ngọc	Diễm	140299	2017	ĐHCQ	3.20	82	Giỏi	8,100,000	70%	5,670,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
20	2017-LK	1754060146	Giảng Thị Huỳnh	Như	270799	2017	ĐHCQ	3.17	90	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
21	2017-LK	1754060083	Phan Như	Huỳnh	230999	2017	ĐHCQ	3.17	90	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
22	2017-LK	1754060107	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	150899	2017	ĐHCQ	3.13	90	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
23	2017-LK	1754060122	Nguyễn Thị Hằng	Nga	291299	2017	ĐHCQ	3.13	82	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
24	2017-LK	1754060195	Trần Xuân	Thường	040399	2017	ĐHCQ	3.10	98	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
25	2017-LK	1754060063	Nguyễn Văn	Hiếu	020599	2017	ĐHCQ	3,1	90	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
26	2017-LK	1754060080	Phạm Quốc	Huy	200999	2017	ĐHCQ	3.10	87	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
27	2017-LK	1754060018	Trần Thị Thanh	Châu	011199	2017	ĐHCQ	3,1	82	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
28	2017-LK	1754060144	Cao Đặng Quỳnh	Như	040999	2017	ĐHCQ	3.07	90	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
29	2017-LK	1754060127	Phạm Thị Tuyết	Ngân	120699	2017	ĐHCQ	3.07	87	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
30	2017-LK	1754060071	Lê Xuân	Hoàng	060799	2017	ĐHCQ	3.07	79	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
31	2017-LK	1754060041	Nguyễn Xuân	Đông	091299	2017	ĐHCQ	3.03	86	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
32	2017-LK	1754060161	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	170599	2017	ĐHCQ	3.03	85	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
33	2017-LK	1754060191	Nguyễn Anh	Thư	041299	2017	ĐHCQ	3.03	85	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
34	2017-LK	1754060045	Đoàn Thị Thu	Hà	161199	2017	ĐHCQ	3.03	77	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
35	2017-LK	1754060098	Nguyễn Thị	Lê	251096	2017	ĐHCQ	3.00	93	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
36	2017-LK	1754060242	Nguyễn Thảo	Vy	101198	2017	ĐHCQ	3.00	93	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
37	2017-LK	1754060193	Trần Thị Thương	Thương	300899	2017	ĐHCQ	2.97	100	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
38	2017-LK	1754060051	Nguyễn Thị Kim	Hằng	051299	2017	ĐHCQ	2.97	87	Khá	8,100,000	50%	4,050,000
39	2018-LA	1854070088	Nguyễn Ngọc Thúy	Ngân	250700	2018	ĐHCQ	3.58	85	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
40	2018-LA	1854070119	Đỗ Thanh	Phương	240900	2018	ĐHCQ	3.54	90	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
41	2018-LA	1854070034	Lê Hoàng Phú	Hải	050800	2018	ĐHCQ	3.38	90	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
42	2018-LA	1854070172	Trần Chí	Trung	011100	2018	ĐHCQ	3.38	90	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
43	2018-LA	1854070076	Đỗ Ngọc Tuyết	Mai	040600	2018	ĐHCQ	3.33	100	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
44	2018-LA	1854070056	Hà Mạnh	Hùng	250600	2018	ĐHCQ	3.33	85	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
45	2018-LA	1854070032	Trần Thị Thanh	Hà	260600	2018	ĐHCQ	3.25	98	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
46	2018-LA	1854070053	Lê Hoàng	Huy	101000	2018	ĐHCQ	3.21	90	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
47	2018-LA	1854070107	Trịnh Thị Trúc	Nhi	090900	2018	ĐHCQ	3.21	87	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
48	2018-LA	1854070001	Trần Bình	An	091200	2018	ĐHCQ	3.21	85	Giỏi	6,460,000	70%	4,522,000
49	2018-LA	1854070021	Phạm Thị Thùy	Dung	300800	2018	ĐHCQ	3.25	67	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
50	2018-LA	1854070077	Đỗ Thị Trúc	Mai	070200	2018	ĐHCQ	3.17	90	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
51	2018-LA	1854070024	Cao Thị Mỹ	Duyên	300800	2018	ĐHCQ	3.13	90	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
52	2018-LA	1854070052	Nguyễn Thị	Hồng	160900	2018	ĐHCQ	3.13	81	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
53	2018-LA	1854070092	Đàng Như	Nghĩa	240100	2018	ĐHCQ	3.08	85	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
54	2018-LA	1854070104	Nguyễn Thị Phương	Nhi	171000	2018	ĐHCQ	3.08	85	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
55	2018-LA	1854070011	Nguyễn Chí	Bảo	300900	2018	ĐHCQ	3.08	67	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
56	2018-LA	1854070187	Vũ Thảo	Vy	050400	2018	ĐHCQ	3.04	76	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
57	2018-LA	1854070192	Nguyễn Phan Như	ý	020300	2018	ĐHCQ	3.00	100	Khá	6,460,000	50%	3,230,000
58	2018-LK	1854060025	Bùi Thị Mai	Chi	191100	2018	ĐHCQ	3.71	90	Xuất sắc	7,490,000	100%	7,490,000
59	2018-LK	1854060007	Nguyễn Thị Kim	Anh	251200	2018	ĐHCQ	3.93	85	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
60	2018-LK	1854060268	Khổng Thị Bích	Trình	010500	2018	ĐHCQ	3.57	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
61	2018-LK	1854060256	Nguyễn Thị Kiều	Trang	211100	2018	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
62	2018-LK	1854060297	Võ Thị	Viên	020100	2018	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
63	2018-LK	1854060208	Nguyễn Thị Thanh	Sơn	180800	2018	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
64	2018-LK	1854060108	Nguyễn Hoàng Gia	Khương	290600	2018	ĐHCQ	3.46	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
65	2018-LK	1854060172	Cao Thị Yến	Nhi	250500	2018	ĐHCQ	3.46	82	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
66	2018-LK	1854060295	Nguyễn Thị Thảo	Vi	260100	2018	ĐHCQ	3.39	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
67	2018-LK	1854060176	Lương Thị Yến	Nhi	160200	2018	ĐHCQ	3.36	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
68	2018-LK	1854060235	Lê Thị Hồng	Thúy	150300	2018	ĐHCQ	3.36	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
69	2018-LK	1854060122	Nguyễn Thị	Linh	190600	2018	ĐHCQ	3.36	85	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
70	2018-LK	1854060238	Trần Thị Lệ	Thủy	290600	2018	ĐHCQ	3.32	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
71	2018-LK	1854060156	Đặng Bích	Ngọc	130100	2018	ĐHCQ	3.32	82	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
72	2018-LK	1854060271	Phan Thị Nữ	Trinh	010899	2018	ĐHCQ	3.29	98	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
73	2018-LK	1854060143	Phạm Thị	Mai	200100	2018	ĐHCQ	3.25	90	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
74	2018-LK	1854060138	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	190600	2018	ĐHCQ	3.25	82	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
75	2018-LK	1854060211	Hồ Văn	Tài	120900	2018	ĐHCQ	3.25	82	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
76	2018-LK	1854060068	Phạm Thị Ngọc	Hà	290600	2018	ĐHCQ	3.21	86	Giỏi	7,490,000	70%	5,243,000
77	2018-LK	1854060171	Võ Phạm Cao Minh	Nhật	090100	2018	ĐHCQ	3.25	78	Khá	7,490,000	50%	3,745,000
78	2018-LK	1854060073	Nguyễn Lê Hoài	Hạ	021100	2018	ĐHCQ	3.21	77	Khá	7,490,000	50%	3,745,000
79	2018-LK	1854060035	Trần Thị	Diễm	131000	2018	ĐHCQ	3.11	90	Khá	7,490,000	50%	3,745,000
80	2018-LK	1854060180	Phạm Thị Hồng	Nhung	080700	2018	ĐHCQ	3.11	90	Khá	7,490,000	50%	3,745,000
81	2018-LK	1854060145	Phạm Văn	Minh	170600	2018	ĐHCQ	3.11	85	Khá	7,490,000	50%	3,745,000
82	2019-LA	1954072029	Lê Thị Ngọc	Hân	101001	2019	ĐHCQ	4.00	90	Xuất sắc	3,360,000	100%	3,360,000
83	2019-LA	1954072002	Võ Huỳnh Minh	An	160201	2019	ĐHCQ	3.75	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
84	2019-LA	1954072042	Trần Bảo	Huyền	221101	2019	ĐHCQ	3.50	98	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
85	2019-LA	1954072085	H Nhip	Niê	030101	2019	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
86	2019-LA	1954072056	Trần Thị Thu	Kiều	060301	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
87	2019-LA	1954072096	Đặng Quỳnh	Phương	090501	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
88	2019-LA	1954072117	Trịnh Thu	Thảo	151201	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
89	2019-LA	1954072135	Hoàng Thị Kiều	Trang	240601	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
90	2019-LA	1954072151	Nguyễn Thị	Vân	150100	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
91	2019-LA	1954072094	Dương Đình	Phụng	160301	2019	ĐHCQ	3.50	83	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
92	2019-LA	1954072104	Nguyễn Thanh	Quỳnh	210601	2019	ĐHCQ	3.25	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
93	2019-LA	1954072122	Huỳnh Thanh	Thoa	290401	2019	ĐHCQ	3.25	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
94	2019-LA	1954072023	Lê Hoàng	Đức	280601	2019	ĐHCQ	3.25	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
95	2019-LA	1954072075	Đỗ Kim	Ngọc	231001	2019	ĐHCQ	3.25	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
96	2019-LA	1954072083	Mai Thị Quỳnh	Như	261001	2019	ĐHCQ	3.25	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
97	2019-LA	1954072149	Hà Như	Uyên	170901	2019	ĐHCQ	3.25	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
98	2019-LA	1954072041	Trịnh Hoàng	Huy	161101			3.25	70	Khá	3,360,000	50%	1,680,000
99	2019-LK	1954062032	Lê Nhật Minh	Châu	121001	2019	ĐHCQ	4.00	100	Xuất sắc	3,360,000	100%	3,360,000
100	2019-LK	1954062030	Nguyễn Hương Hồng	Cẩm	110101	2019	ĐHCQ	3.75	90	Xuất sắc	3,360,000	100%	3,360,000
101	2019-LK	1954062076	Phạm Nguyễn Minh	Hoàng	210401	2019	ĐHCQ	4.00	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
102	2019-LK	1954062168	Lê Thị Tuyết	Nhi	060401	2019	ĐHCQ	3.75	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
103	2019-LK	1954062201	Nguyễn Như	Quỳnh	241001	2019	ĐHCQ	3.75	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
104	2019-LK	1954062294	Lương Ngọc Tường	Vy	150601	2019	ĐHCQ	3.75	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
105	2019-LK	1954062107	Nguyễn Nhật	Khuê	011101	2019	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
106	2019-LK	1954062227	Nguyễn Thị	Thoảng	301001	2019	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
107	2019-LK	1954062265	Võ Thị Mỹ	Trình	290901	2019	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
108	2019-LK	1954062285	Trịnh Thị Yến	Vân	210601	2019	ĐHCQ	3.50	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
109	2019-LK	1954062167	Huỳnh Ngọc Mỹ	Nhi	250901	2019	ĐHCQ	3.50	87	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
110	2019-LK	1954062038	Nguyễn Ngọc	Diện	191001	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
111	2019-LK	1954062208	Trần Thị Thu	Sương	010101	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
112	2019-LK	1954062221	Phạm Thị Thu	Thảo	190501	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
113	2019-LK	1954062226	Võ Khắc	Thiên	020601	2019	ĐHCQ	3.50	85	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
114	2019-LK	1954062276	Trần Ngọc Thanh	Tuyền	280101	2019	ĐHCQ	3.50	83	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
115	2019-LK	1954062196	Văn Phạm Tùng	Quân	090801	2019	ĐHCQ	3.25	100	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
116	2019-LK	1954062067	Tạ Thu	Hiền	110501	2019	ĐHCQ	3.25	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000
117	2019-LK	1954062087	Nguyễn Gia	Huy	150601	2019	ĐHCQ	3.25	90	Giỏi	3,360,000	70%	2,352,000

Xuất sắc: 8 Sinh viên
Giỏi: 74 Sinh viên
Khá: 35 Sinh viên

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Tổng cộng: **117** Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: **474,683,000** đồng
Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Lê Nguyễn Quốc Khang

Nguyễn Ngọc Anh

TS. Dư Ngọc Bích